CÂU HỎI ÔN THI CUỐI KÌ MÔN TRIẾT HỌC

1. Khái niệm triết học?

Triết học là hệ thống quan điểm, lí luận chung nhất về thế giới và vị trí của con ngươi trong thế giới đó, là khoa học về những quy luật vận động, phát triển chung nhất của tự nhiên, xã hội và tư duy.

2. Thế giới quan là gì? Các yếu tố cấu thành thế giới quan?

Thế giới quan là khái niệm triết học chỉ hệ thống các tri thức, quan điểm, tình cảm, niềm tin, lý tưởng xác định về thế giới và vị trí con người (bao gồm cá nhân, xã hội và cả nhân loại) trong thế giới đó. Thế giới quan quy định các quy tắc, thái độ, giá trị trong định hướng nhận thức và hoạt động thực tiễn của con người.

* Các yếu tố cấu thành thế giới quan:

Thứ nhất: bản thân triết học là thế giới quan.

Thứ hai: Trong các loại thế giới quan phân chia theo các cơ sở khác nhau thì thế giới quan triết học bao giờ cũng là thành phần quan trọng, đóng vai trò là nhân tố cốt lõi.

Thứ ba: Triết học bao giờ cũng có ảnh hưởng và chi phối các thế giới quan như thế giới quan tôn giáo, thế giới quan kinh nghiệm, thế giới quan thông thường.

Thứ tư: Thế giới quan triết học quy định mọi quan niệm khác nhau của con người.

3. Vấn đề cơ bản của triết học?

Vấn đề cơ bản của triết học (mối quan hệ vật chất và ý thức):

- 1. Bản thể luân
 - a. Ý thức → vật chất : Chủ nghĩa duy tâm
 - b. Vật chất → ý thức : Chủ nghĩa duy vật
- 2. Nhận thức luận: khả tri luận (nhận thức được)
 - a. Chủ nghĩa duy vật
 - b. Bất khả tri (không thể nhận thức)

4. Chủ nghĩa duy vật và các hình thức cơ bản của chủ nghĩa duy vật?

Chủ nghĩa duy vật chất phác (thời Cổ đại): quan niệm về thế giới mang tính trực quan, cảm tính, chất phác nhưng đã lấy bản thân giới tự nhiên để giải thích thế giới.

Chủ nghĩa duy vật siêu hình (Thế kỉ XVII-XVIII): Quan niệm thế giới như một cổ máy khổng lồ, các bộ phận biệt lập tĩnh lại. Tuy còn hạn chế về phương pháp luận siêu hình máy móc nhưng đã chống lại quan điểm duy tâm tôn giải thích về thế giới.

Chủ nghĩa duy vật biện chứng (hình thức cao nhất của chủ nghĩa duy vật): Do C.Mác và Ăng-Ghen sáng lập- V.I. Lenin phát triển, khắc phục hạn chế của chủ nghĩa duy vật trước đó. → Đạt tới trình độ duy vật triệt để trong cả tự nhiên và xã hội, biện chứng trong nhận thức, là công cụ để nhận thức và cải tạo thế giới.

5. Chủ nghĩa duy tâm và các hình thức cơ bản của chủ nghĩa duy tâm?

Duy tâm khách quan: tinh thần khách quan có trước và tồn tại độc lập với con người. (Platon, Heghen)

Duy tâm chủ quan: thừa nhận tính thứ nhất của ý thức từng người, cá nhân-Hume, Gfichte, G. Berkeley.

6. Thuyết khả tri, bất khả tri và hoài nghi?

Thuyết khả tri:

Thuyết bất khả tri: là quan điểm triết học cho thấy tính đúng hay sai của một số tuyên bố nhất định- đặc biệt là các tuyên bố thần học về sự tồn tại của Chúa Trời hay các vị Thần- là chưa biết và không thể biết được hay không mạch lạc. Một số người theo thuyết bất khả tri suy diễn từ đó rằng các yếu tố đó không liên quan đến ý nghĩa của cuộc sống.

Thuyết hoài nghi:???

7. Phép biện chứng và các hình thức cơ bản của phép biện chứng?

Biện chứng là nghệ thuật tranh luận để tìm ra chân lí bằng cách phát hiện mâu thuẫn trong cách lập luận.

Phương pháp biện chứng:

- Nhận thức đối tượng trong các mối quan hệ phổ biến vốn có của nó.
- Nhận thức đối tượng ở trạng thái luôn vận động biến đổi, nằm trong khuynh hướng phổ quát là phát triển.
- Công cụ hữu hiệu giúp con người nhận thức và cải tạo thế giới và là phương pháp luân tối ưu của moi khoa học.

♣ Các hình thức cơ bản của phép biện chứng:

- Phép biên chứng duy vật: TGQ: duy vật-phương pháp luận-biện chứng
- Phép biện chứng duy tâm: Phương pháp luận: biện chứng- thế giới quan-duy tâm
- Phép biện chứng cổ đại: trực quan, tự phát.

8. Điều kiện, tiền đề dẫn đế sự ra đời của Triết học Mac?

♣ Điều kiện kinh tế-XH:

- Sự củng cố và phát triển của phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa trong điều kiện của cuộc cách mạng công nghiệp.
- Sự phát triển của giai cấp vô sản trên vũ đài lịch sử_ nhân tố chiến tranh-XH quan trọng.
- Thực tiễn cách mạng của gia cấp vô sản- cơ sở chủ yếu và trực tiếp.

♣ Nguồn gốc lí luận:

❖ Tiền đề lí luân:

- Triết học cổ điển Đức: đặc biệt là Heghen và L.Phoiobac đã ảnh hưởng đến sự hình thành TGQ và phương pháp luận của chủ nghĩa Mác.
- Kinh tế chính trị cổ điển Anh: Hình thành quan niệm duy vật về lịch sử của chủ nghĩa Mác (A.Xmit và Đ.Ricacdo.
- Chủ nghĩa XH không tưởng: Tiền đề lí luận ra đời CNXH khoa học (Xanh Ximong, Phuirie, Ôoen).

❖ Tiền đề khoa học tư nhiên:

- Sự phát triển của KHTN cuối TK XVIII- đầu TK XIX, đặc biệt là ba phát minh: định luật bảo toàn và chuyển hóa năng lượng; Học thuyết tiến hóa của Đac-uyn; Học thuyết tế bào.

9. Khái niệm vật chất và các hình thức tồn tại của vật chất?

Vật chất là một phạm trù triết học dùng chỉ thực tại khách quan được đem lại cho con người trong cảm giác, được cảm giác của chúng ta chép lại, chụp lại, phản ánh và tồn tại không lệ thuộc vào cảm giác.

Vật chất trong triết học theo quan điểm là không sinh, không mất, luôn tồn tại và biến đổi.

Các hình thức tồn tại của cật chất:

♣ Vận động:

- Vận động theo nghĩa chúng nhất, là mọi sự biến đổi chung.
- Vận động là phương thức tồn tại của vật chất.
 - + Vận động là thuộc tín cố hữu của vật chất.
 - + Vận động của vật chất là tự thân vận động và mang tính phổ biến.
- Những hình thức vận động cơ bản của vật chất:
 - + Vận động cơ học
 - + Vận động vật lí
 - + Vận động hóa học (vật chất không có sự sống)
 - + Vận động sinh học (vật chất có sự sống)
 - + Vận động XH
- Vận động và đứng im
 - + Đứng im là vận động trong thăng bằng, rong sự ổn định tương đối.
 - + Đứng im là một dạng của vận động, rong đó sự vật chưa thay đổi căn bản về chất, nó còn là nó chứ chưa chuyển hóa thành cái khác.
 - + Đứng im là tương đối tạm thời.

Không gian và thời gian:

- Không gian là hình thức tồn tại của vật chất xét về mặt quáng tính, cùng sự tồn tại, trật tự, kết cấu và sự tác động lẫn nhau. Vd: cái chai nước, quyển tập.
- Thời gian là hình thức tồn tại của vật chất vận động xét về mặt độ dài, diến biến, sự kế tiếp của quá trình.
- Không gian và thời gian là hai thuộc tính, hai hình thái tồn tại khác nhau của vật chất vận động nhưng chúng không tách rời nhau.
- Vật chất có ba chiều không gian và một chiều thời gian.

10. Nguồn gốc của ý thức?

Chủ nghĩa duy tâm:

- Ý thức là nguyên thể đầu tiên, tồn tại vĩnh viễn, là nguyên nhân hình thành, chi phối sự tồn tại, biến đổi toàn bộ của thế giới vật chất.
- Chủ nghĩa duy tâm khách quan: ý thức của con người chỉ là sự " hồi tưởng"
 về "ý niệm" hay " tự ý thức" lại " ý niệm tuyệt đối".
- * Chủ nghĩa duy tâm chủ quan:
- Ý thức của con người là do cảm giác sinh ra.
- Cảm giác không phải là sự phản ánh thế giới khách quan mà chỉ là cái vốn có của mỗi cái nhân tồn tại tách rời, biệt lập với thế giới bên ngoài.
- Quan điểm chủ nghĩa duy vật siêu hình: (ý thức dạng vật chất tồn tại trong cơ thể con người)
- Đồng nhất ý thức về vật chất.

- Ý thức cũng chỉ là một dạng vật chất đặc biệt, do vật chất sản sinh ra.
 - + Đemoocorit: ý thức là do những nguyên tử đặc biệt (hình cầu, nhẹ, linh động) liên kết với nhau tạo thành.
 - + Các nhà duy vật thế kỉ XVIII: óc tiết ra ý thức như gan tiết ra mật. Ý niệm chẳng qua chỉ là vật chất được đem vào đầu óc con người và được cải biến đi ở trong đó.

♣ Nguồn gốc tự nhiên:

- Bộ óc người
- Thế giới khách quan (tác động vào giác quan gây nên hiện tượng phản ánh trong bộ óc người).
 - ⇔ Bộ óc người:
- Bộ óc con người có cấu trúc đặc biệt phát triển, rất tinh vi và phức tạp, bao gồm 14-15 tủy noron thần kinh.
- Ý thức là hình thức phản ánh đặc trưng chỉ có ở con người và là hình thức phản ánh cao nhất của thế giới vật chất.

11.Bản chất của ý thức?

♦ Ý thức là hình ảnh chủ quan của thế giới khác quan:

- Ý thức là "hình ảnh" hiện thực khách quan trong óc người, nội dung phản ánh là khách quan. Hình thức phản ánh là chủ quan.
- Ý thức là sự phản ánh tích cực, sáng tạo gắn với thực tiễn XH.
 - + Trao đổi thông tin giữa chủ thể và đối tượng phản ánh.
 - + Xây dưng các học thuyết, lý thuyết khoa học.
 - + Vân dung để cải tao hoat đông thực tiễn.

♦ Ý thức mang bản chất lịch sử- XH:

- Điều kiên lịch sử
- Ouan hê XH

12. Mối quan hệ giữa vật chất và ý thức?

♣ Quan điểm của chủ nghĩa duy tâm và chủ nghĩa duy vật siêu hình:

Chủ nghĩa duy tâm	Chủ nghĩa duy vật siêu hình
Ý thức là tồn tại duy nhất, tuyệt đối, có tính quyết định, còn thế giới vật chất chỉ là bản sao, biểu hiện khác của ý thức tinh thần, là tính thứ hai, do ý thức tinh thần sinh ra.	Tuyệt đối hóa yếu tố vật chất sinh ra ý thức, quyết định ý thức.
Phủ nhận tính khách quan, cường điệu vai trò nhân tố chủ quan, duy ý chí, hành động bất chấp điều kiện quy luật khách quan.	Phủ nhận tính độc lập tương đối và tính năng động, sáng tạo của ý thức trong hoạt động thực tiễn, rơi vào trạng thái thụ động, ỷ lại, trong chờ không đem lại kết quả trong hoạt động thực tiễn.

Quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng:

- Theo quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng, vật chất quyết định ý thức, ý thức có tính đọc lập tương đối tác động trở lại đối với vật chất.
- Vai trò của vật chất đối với ý thức:
 - + Vật chất quyết định nguồn gốc của ý thức.

- + Vật chất quyết định nội dung của ý thức.
- + Vật chất quyết định bản chất của ý thức.
- + Vật chất quyết định sự vận động tồn tại của ý thức.
- Ý thức có tính độc lập tương đối và tác động lại vật chất:
 - + Thứ nhất, ý thức tác động lại thế giới vật chất, thường thay đổi chậm so với sư biến đổi của thế giới vật chất.
 - + Thứ hai, sự tác động của ý thức đối với vật chất phải thông qua hoạt động thực tiễn của con người.
 - + Thứ ba, vai trò của ý thức thể hiện ở chỗ nó chỉ đạo hoạt động thực tiễn của con người.
 - + Thứ tư, XH càng phát triển thì vai trò của ý thức ngày càng to lớn, nhất là trong thời đại ngày nay.

13.Khái niệm biên chứng? Phân biệt biện chứng chủ quan là biện chứng khách quan?

Biện chứng là phương pháp " xem xét những sự vật và những phản ánh của chúng trong tư tưởng, trong mối quan hệ qua lại lẫn nhau của chúng, trong sự ràng buộc, sự vận động, sự phát sinh và diệt vong của chúng.

- Biện chứng khách quan: là biện chứng của thế giới vật chất.
- Biện chứng chủ quan: tư duy biên chứng, phản ánh biện chứng khách quan vào trong đời sống ý thức của con người.

14.Khái niệm và tính chất của mối quan hệ?

♣ Khái niệm:

- Mối quan hệ dùng để chỉ sự quy định, sự tác động và chuyển hóa lẫn nhau giữa các sự vật, hiện tượng hay giữa các mặt, các yếu tố của mỗi sự vật hiện tượng hay giữa các mặt, các yếu tố của mỗi sự vật hiện tượng trên thế giới.
- Mối quan hệ phổ biến dùng để chỉ tính phổ biến của các mối liên hệ của sự vật, hiện tượng của thế giới, đồng thời dùng để chỉ các mối liên hệ tồn tại ở nhiều sự vật, hiện tương của thế giới.
 - → Khái niệm mối liên hệ phổ biến được dùng với hai nghĩa cơ bản: chỉ tính phổ biến của các mối liên hệ và chỉ khái quát những mối liên hệ có tính chất phổ biến nhất như là mối liên hệ giữa cái chúng và cái riêng, nguyên nhân và kết quả, tất yếu và ngẫu nhiên...
 - → Không có sự vật hiện tượng nào trong thế giới tồn tại một cách cô lập, tách rời khỏi những sự vật hiện tượng khác mà chung luôn nằm trong mối liên hệ đa dạng trong quá trình tồn tại và chuyển hóa của chúng.

4 Tính chất:

- Tính khách quan của các mối liên hệ: mối liên hệ sự quy định, sự tác động, sự chuyển hóa lẫn nhau của các sự vật hiện tượng trong bản thân chúng hoặc là mối liên hệ giữa các yếu tố, thuộc tính, bộ phận trong bản thân của một sự vật hiện tượng- cái vốn có của sự vật hiện tượng. Nó không phụ thuộc vào ý muốn chủ quan của con người hay do đấng siêu nhiên nào đó tạo ra, chỉ có liên hệ với nhau thì mới có thể tồn tại, vận động, phát triển, con người không sáng tạo ra được mối liên hệ đó ma chỉ có thể nhận thức, vận dụng các mối liên hệ đó vào hoạt động của mình.
- Tính phổ biến của các mối liên hệ: Không chỉ có sự vật hiện tượng liên hệ với nhau mà các yếu tố, bộ phận cấu thành nên sự vật đó cũng có mối liên hệ với

nhau. Không chỉ có các thời kì trong một gia đoạn, các giai đoạn trong một quá trình mà bản thân quá trình cũng liên hệ với nhau trong sự vận động và phát triển của thế giới. Trong tự nhiên, xã hội, tư duy thì các sự vật hiện tượng cũng có mối liên hệ với nhau, không gian, thời gian, sự vật, hiện tượng nào cũng có mối liên hê.

Tính đa dạng, phong phú của mối quan hệ: các sự vật, hiện tượng hay quá trình khác nhau đều có những mối liên hệ cụ thể khác nhau, giữa vị trí, vai trò khác nhau đối với sự tồn tại và phát triển của nó. Mặc khác, cung một mối liên hệ nhất định của sự vật, hiện tượng nhưng trong những điều kiện cụ thể khác nhau, ở những gia đoạn khác nhau trong quá trình vận động và phát triển của sự vật, hiện tượng thì cũng có những tính chất và vai trò khác nhau. Không thể đồng nhất tính chất và vị trí, vai tro cụ thể trong mối liên hệ với mỗi sự vật, hiện tượng nhất định, trong những điều kiện xác định. Đó là các mối liên hệ bên trong và bên ngoài, mối liên hệ chủ yếu và thứ yếu, trực tiếp và gián tiếp... của mọi sự vật, hiện tượng trong thế giới.

15.Khái niệm và tính chất của sự phát triển?

♣ Khái niệm:

- Khái niệm phát triển dùng để chỉ quá trình vạn động của sự vật, hiện tượng theo khuynh hướng đi lên: từ trình độ thấp đến trình độ cao, từ kém hoàn thiện đến hoàn thiện hơn.

♣ Tính chất:

- Tính khách quan của sự phát triển: biểu hiện trong nguồn gốc của sự vận động và phát triển. Đó là quá trình bắt đầu từ bản thân sự vật, hiện tượng, là quá trình giải quyết mâu thuẫn của sự vật, hiện tượng đó.
- Nguồn gốc của sự vận động, phát triển phải đi từ chính sự vật và bắt nguồn từ chính sự vật, hiện tượng, chính thông qua việc giải quyết các mâu thuẫn trong sự vật, hiện tượng làm cho sự vật vận động, phát triển.
- Tính phổ biến của sự phát triển: phát triển không phải là đặc tính riêng của một lĩnh vực nào đó mà đó là khuynh hướng chung của thế giới, nó diễn ra trong mọi lĩnh vực: tự nhiên, XH, tư duy, trong mọi sự vật, hiện tượng, quá trình. Trong mỗi quá trình biến đổi đã có thể bao hàm khả năng dẫn đến sự ra đời của cái mới, phù hợp với quy luật khách quan.
- Tính đa dạng, phong phú của sự phát triển: mỗi sự vật, hiện tượng có sự khác nhau trong sự phát triển bản thân mỗi sự vật, hiện tượng cũng có sự phát triển không giống nhau. Nguyên nhân là do mỗi sự vật, hiện tượng nó tồn tại trong nhưng không gian và thời gian khác nhau và chịu tác động của sự vật, hiện tượng, yếu tố cũng khác nhau và điều kiện lịch sử cụ thể.

16. Quan điểm toàn diện, phát triển, lịch sử cụ thể?

Các quan điểm này đều thuộc về phương pháp luận của phép biện chứng duy vật, được xây dựng trên cơ sở lí giải theo quan điểm duy vật biện chứng về tính khách quan, tính phổ biến và tính đa dạng phong phú của các mối liên hệ và sự phát triển của tất thảy các sự vật, hiện tượng trong tự nhiên, XH và tư duy.

Quan điểm toàn diện:

- Trong hoạt động nhận thức và thực tiễn cần phải xem xét sự vật trên nhiều mặt, nhiều mối quan hệ của nó. Thực hiện điều này sẽ giúp cho chúng ta tránh được hoặc tránh được sự phiến diện, siêu hình, máy móc, một chiều trong nhận thức

cũng như trong việc giải quyết các tình huống thực tiễn, nhờ đó tạo ra khả năng nhận thức đúng được sự vật như nó vốn có trong thực tế và xử lý chính xác, có hiệu quả đối với các vấn đề thực tế.

Vd: khi phân tích bất cứ một đối tượng nào chúng ta cugx cần vận dụng ý thuyết hiện thống, tức là: xem xét nó được cấu thahf nên từ những yếu tố, bộ phận nào với những mối quan hệ ràng buộc và tương tác nào, từ đó có thể phát hiện ra thuộc tính chung của hệ thống vốn không có ở moiix yếu tố (thuộc tính " trời"); mặc khác, cũng cần phải xem xét sự vật ấy trong tính mở của nó, tức là phải xem xét nó rong mối quan hệ với các hệ thống khác với các yếu tố tạo thành môi trường vận động, phát triển của nó.

Quan điểm phát triển:

- Trong nhận thức và thực tiễn cần phải xem xét sự vật theo một qua trình không ngừng thay đổi về chất ở trình độ cao hơn qua sự biểu hiện của nó ở các giai đoạn, các hình thái xác định, nhờ đó giúp cho chúng ta nhận thức được sự vật theo một quá trình không ngừng phát triển của nó. Cũng từ đó có thể dự báo được giai đoạn, hình thái phát triển trong tương lai của nó.
- Quan điểm lịch sử cụ thể: Trong nhận thức và thực tiễn cần phải xem xét sự vật trong các mối quan hệ và tính huống xác định, theo các gia đoạn vận động, phát triển xác định, cũng tức là khi nhận thức và xử lí các tình huống thực tiễn thì cần tránh những quan điểm chung chung trừu tượng, thiếu tính xác định lịch sử cụ thể, tránh chiết trung, ngụy biện.
 - → Như vậy, khi thực hiện quan điểm toàn diện và phát triển cần phải luôn luôn gắn với quan điểm lịch sử cụ thể thì mới có thể thực sự nhận thức chính xác được sự vật và giải quyết đúng đắn, có hiệu quả đối với các vấn đề thực tiễn.

17. Khái niệm chất, lượng, độ nút, điểm nhảy?

- ♣ Khái niệm "chất" dùng để chỉ tính quy định của sự vật về phương diện tổng hợp các thuộc tính cơ bản, khách quan, vốn có của một sự vật nào đó, cái mà nhờ đó, sự vật à nó, khác với sự vật khác.
- ♣ Khái niệm "lượng" dùng để chỉ tính quy định khách quan, vốn có của sự vật (tạo thành cơ sở khách quan cho sự tổ tại của chất của sự vật) về các phương diện: số lượng các yếu tố cấu thành, quy mô của sự tồn tại, tốc độ, nhịp điệu của các quá trình vận động, phát triển của sự vật.
- Khái niệm "độ" dùng để chỉ khoảng giới hạn trong đó có sự thống nhất giữa chất và lượng (trong khoảng đó, những biến đổi của lượng chưa làm cho chất tương ứng của nó thay đổi)
- ♣ Khái niệm "điểm nút" dùng để chỉ giới hạn tại đó với những sự thay đổi của lượng trực tiếp dẫn đến nhưng thay đổi về chất.
- ♣ Khái niệm "bước nhảy" dùng để chỉ quá trình thay đổi về chất của sự vật diễn ra tại điểm nút.

18. Khái niệm mặt đối lập, mâu thuẫn?

19. Phủ định và phủ định biện chứng:

♣ Khái niệm phủ định: dùng để chỉ sự thay thế hình thái tồn tại này bằng hình thái tồn tai khác.

♣ Khái niệm phủ định biện chứng: dùng để chỉ quá trình tự nhiên phủ địnhcó kế thừa và tạo ra điều kiện tiền đề cho sự phát triển của sự vật. Nó mang tính khách quan và kế thừa.

20. Thực tiễn và các hình thức cơ bản của thực tiễn?

- ♣ Thực tiễn là toàn bộ hoạt động vật chất có mục đích, mang tính lịch sử xã hội của con người nhằm cải tạo tự nhiên và xã hội. Đó là hoạt động mà con người sử dụng những công cụ vật chất tác động vào những đối tượng vật chất nhất định, làm biến đổi chúng theo muc đích của mình.
- Thực tiễn biểu hiện rất đa dạng, song có ba hình thức cơ bản:
 - Thực tiễn sản xuất vật chất là hình thức hoạt động cơ bản, đầu tiên của thực tiễn, trong đó con người sử dụng các công cụ lao động tác dộng vào tự nhiên, các điều kiện cần thiết taọ ra của cải vật chất, duy trì sự tồn tại và phát triễn của mình.
 - Thực tiễn chính trị xã hội là hoạt động của các cộng đồng người, các gia cấp khác nhau trong xã hội nhằm cải biến những quan hệ chính trị xã hội để thúc đẩy xã hội phát triển.
 - Thực tiễn thực nghiệm khoa học là một hình thức đặc biệt của hoạt dộng thực tiễn.

21. Vai trò thực tiễn với nhận thức?

- Thực tiễn là cơ sở, động lực, mục đích của nhận thức và là tiêu chuẩn của chân lý, kiểm tra tính chân lý.
 - Không có một lĩnh vực tri thức nào mà không bắt nguồn từ thực tiễn, khong nhầm vào việc phục vụ, hưỡng dẫn thực tiễn.
 - Thực tiễn chẳng những là cơ sở, động lực, mục đích của nhận thức mà là tiêu chuẩn của chân lí, kiểm tra tính chân lý của quá trình nhân thức.
 - Việc hiểu đúng vai trò của thực tiễn đối với nhân thức đòi hỏi chúng ta phải luôn nắm vứng quan điểm thực tiễn. Nếu xa rời thực tiễn sẽ dẫn đến sai lầm chủ quan, duy ý chí, giáo điều, máy móc, quan liêu.
 - Nguyên tắc thống nhất giữa lý luận và thực tiễn phải là nguyên tắc cơ bản trong hoạt động thực tiễn và hoạt động lý luận: lý luận mà không có thực tiễn làm cơ sở và tiêu chuẩn để xác định chân lý của nó thì đó chỉ là lý luận suông; ngược lại, thực tiễn mà không có lý luận khoa học, cách mạng soi sáng thì nhất định sẽ biến thành thực tiễn mù quáng.

22. Sản xuất vật chất và phương thức sản xuất bao gồm yếu tố nào?

- ♣ Sản xuất vật chất là quá trình con người sử dụng những công cụ lao động tác động vào giới tự nhiên, cái biến các dạng vật chất của giớ tự nhiên, nhằm tạo ra những sản phẩm thỏa mãn nhu cầu tồn tại và phát triển của mình.
- Phương thức sản xuất là cách thức và phương thức tiến hành quá trình sản xuất ra của cải vật chất.

Bao gồm các phương thức?????????

23. Tồn tai xã hôi và các yếu tố cơ bản?

- ♣ Khái niệm tồn tại xã hội dùng để chỉ phương diện sinh hoạt vật chất và các điều kiện sinh hoạt vật chất của xã hội.
- ♣ Các yếu tố cơ bản tạo thành tồn tại xã hội bao gồm:
- Phương thức sản xuất vật chất (yếu tố cơ bản nhất).

24. Ý thức xã hội và kết cấu:

Khái niêm ý thức xã hội dùng để chỉ toàn bộ phương diện sinh hoạt tinh thần của xã hội, nảy sinh từ tồn tại xã hội và phản ánh tồn tại xã hội trong những giai đoạn phát triển nhất. Nó được thể hiện thông qua các hình thái ý thức xã hội nhất định

♣ Kết cấu:

- Mối quan hệ giữa ý thức xã hội và ý thức cá nhân là mối quan hệ giữa cái chung và cái riêng.
- Ý thức xã hội thông thường và ý thức lý luận là hai trình độ phản ánh của ý thức xã hôi đối với tồn tai xã hôi.
- Tâm lý xã hôi và hệ tư tưởng thể hiện hai phương thức phản ánh đối với tồn tại xã hôi.

25. Con người và bản chất của con người?

Khái niệm con người:

- Con người là một thực thể "tự nhiên- xã hội".
- + Con người là kết quả tiến hóa và phát triển lâu dài của giới tự nhiên; là bộ phận cao nhất và đặc biệt nhất của giới tự nhiên.
- + Lao động đã làm xuất hiện con người và xã hội loài người
- Con người là chủ thế của lịch sử.
- ♣ Bản chất của con người: "Bản chất của con người không phải là một cái trừu tượng cố hữu của cá nhân riêng biệt. Trong tính hiện thực của nó, bản chất con người là tổng hòa những quan hệ xã hội".
- Con người trước hết là con người thực tiễn. Chính trong thực tiễn, con người làm ra lịch sử xã hội. Vì vậy, tất cả những quan hệ xã hội(quan hệ con người tự nhiên, quan hệ con người con người; quan hệ vật chất, kinh tế; quan hệ tư tưởng, chính trị; quan hệ tinh thần, văn hóa,..) đều tham gia tạo dựng nên bản chất người của con người. Vì vậy đương nhiên là bản chất con người là tổng hòa các quan hệ xã hội.